TIỂU LUẬN

HỌC PHẦN: TỔ CHỨC KHOA HỌC LAO ĐỘNG

Đề tài:

Thực trạng điều kiện lao động tại Công ty TNHH Cơ khí Tam Mao

GVHD : Ths.Huỳnh Thị Thành

SVTH : Nguyễn Xuân Thế

PHẦN MỞ ĐẦU

Trong tiến trình hội nhập kinh tế các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ ở nước ta, có vai trò tích cực và góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế. Vai trò quan trọng của các doanh nghiệp nhỏ và và rất nhỏ Việt Nam thể hiện ở sự phát triển trong những năm qua về số lượng, tỷ trọng trong sản xuất, tính đa dạng về lĩnh vực. Cùng với sự phát triển của công nghiệp hóa, nền kinh tế nước ta đang ngày càng phát triển, số lượng các công ty, doanh nghiệp ngày càng được thành lập nhiều hơn, thu hút một lực lượng lớn người lao động tham gia và giải quyết công ăn việc làm cho nhiều người lao động. Tuy nhiên, bên cạnh vai trò và sự phát triển ngày càng nhiều các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ thì việc đảm bảo các điều kiện lao động tại các doanh nghiệp này còn rất hạn chế và đáng lo ngại là một trong những vấn đề cần được quan tâm.

Đặc điểm doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ, phần lớn các doanh nghiệp này thường sử dụng mặt bằng làm việc là nơi ở của gia đình mình, hoặc thuê các mặt bằng có diện tích nhỏ để làm nơi sản xuất, trang thiết bị, máy móc còn hạn chế, công tác tổ chức nơi làm việc thiếu khoa học…Vì vậy điều kiện lao động thường không được đảm bảo theo đúng quy định của nhà nước về các tiêu chí an toàn, vệ sinh lao động, môi trường tại nơi làm việc. Từ việc điều kiện lao động không đảm bảo dẫn tới những trường hợp đáng tiếc xãy ra với người lao động như: Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ngày càng gia tăng.

Xuất phát từ những đặc điểm thực trạng của doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ như trên, cũng như muốn tìm hiểu rõ hơn về điều kiện lao động trong các doanh nghiệp này em xin chọn đề tài: "***THỰC TRẠNG ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CƠ KHÍ TAM MAO"*** làm đề tài nghiên cứu của mình.

Mục đích nghiên cứu của chuyên đề nhằm nêu lên thực trạng về điều kiện lao động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) cơ khí Tam Mao, làm rõ nguyên nhân thực trạng và đưa ra những giải pháp cần thiết để cải thiện điều kiện lao động nhằm tăng năng suất hiệu quả lao động cũng như bảo vệ sức khỏe cho người lao động.

Kết cấu của đề tài này gồm:

PHẦN : MỞ ĐẦU

PHẦN : NỘI DUNG

- Chương I: Cơ sở lý luận chung về điều kiện lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ.

- Chương II: Thực trạng điều kiện lao động tại Công ty TNHH Cơ Khí Tam Mao.

- Chương III: Các giải pháp cải thiện điều kiện lao động tại Công ty TNHH Cơ Khí Tam Mao.

PHẦN : KẾT LUẬN

PHẦN NỘI DUNG

Chương I
MỘT SỐ CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ RẤT NHỎ.

I. KHÁI NIỆM CHUNG

1. Khái niệm doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ

❖ Doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt nam:

Là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, được chia thành ba cấp: Siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn (Tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của Doanh nghiệp) hoặc số lao động bình quân năm (Tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên).

❖ Doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ ở Việt nam:

Theo NĐ 56/2009/NĐ-CP, ngày 30/06/2009; Doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ được định nghĩa như sau:

Quy mô / Khu vực	Doanh nghiệp siêu nhỏ	Doanh nghiệp nhỏ		Doanh nghiệp vừa	
	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động
I. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người
II. Công nghiệp và xây dựng	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người
III. Thương mại và dịch vụ	10 người trở xuống	10 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 50 người	từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	từ trên 50 người đến 100 người

2. Khái niệm điều kiện lao động

2.1. Khái niệm điều kiện lao động

Điều kiện lao động là tổng thể các yếu tố kỹ thuật, tổ chức lao động, kinh tế, xã hội, tự nhiên, thể hiện qua quá trình công nghệ, công cụ lao động, đối tượng lao động, năng lực của người lao động và sự tác động qua lại giữa các yếu

tố đó tạo nên điều kiện làm việc của con người trong quá trình lao động sản xuất. Để có thể làm tốt công tác bảo hộ lao động thì phải đánh giá được các yếu tố điều kiện lao động, đặc biệt là phải phát hiện và xử lý được các yếu tố không thuận lợi đe dọa đến an toàn và sức khỏe người lao động trong quá trình lao động, các yếu tố đó bao gồm:

❖ Các yếu tố của lao động:

- Máy, thiết bị, công cụ;
- Nhà xưởng;
- Năng lượng, nguyên nhiên vật liệu;
- Đối tượng lao động;
- Người lao động;

❖ Các yếu tố liên quan đến lao động:

- Các yếu tố tự nhiên có liên quan đến nơi làm việc.
- Các yếu tố kinh tế, xã hội; Quan hệ, đời sống hoàn cảnh gia đình liên quan đến tâm lý người lao động.

2.2. Các yếu tố nguy hiểm trong lao động

Là những yếu tố có nguy cơ gây chấn thương hoặc chết người đối với người lao động, bao gồm:

- *Các bộ phận truyền động, chuyển động.*

Trục máy, bánh răng, dây đai chuyền và các loại cơ cấu truyền động; sự chuyển động của bản thân máy móc như: ô tô, máy trục, tàu biển, sà lan, đoàn tàu hỏa, đoàn goòng có nguy cơ cuốn, cán, kẹp, cắt; Tai nạn gây ra có thể làm cho người lao động bị chấn thương hoặc chết;

- *Nguồn nhiệt.*

Ở các lò nung vật liệu, kim loại nóng chảy, nấu ăn... tạo nguy cơ bỏng, nguy cơ cháy nổ;

- *Nguồn điện.*

Theo từng mức điện áp và cường độ dòng điện tạo nguy cơ điện giật, điện phóng, điện từ trường, cháy do chập điện..; làm tê liệt hệ thống hô hấp, tim mạch.

- *Vật rơi, đổ, sập.*

Thường là hậu quả của trạng thái vật chất không bền vững, không ổn định gây ra như sập lò, vật rơi từ trên cao trong xây dựng; đá rơi, đá lăn trong khai thác đá, trong đào đường hầm; đổ tường, đổ cột điện, đổ công trình trong xây lắp; cây đổ; đổ hàng hoá trong sắp xếp kho tàng....

- *Vật văng bắn.*

Thường gặp là phoi của các máy gia công như: máy mài, máy tiện, đục kim loại; gỗ đánh lại ở các máy gia công gỗ; đá văng trong nổ mìn....

- *Nổ.*

Nổ vật lý: Trong thực tế sản xuất có thể nổ khi áp suất của môi chất trong các thiết bị chịu áp lực, các bình chứa khí nén, khí thiên nhiên hoá lỏng vượt quá

giới hạn bền cho phép của vỏ bình hoặc do thiết bị bị rạn nứt, phồng móp, bị ăn mòn do sử dụng lâu. Khi thiết bị nổ sẽ sinh công rất lớn làm phá vỡ các vật cản và gây tai nạn cho mọi người xung quanh.

Nổ hóa học: Là sự biến đổi về mặt hóa học của các chất diễn ra trong một thời gian rất ngắn, với một tốc độ rất lớn tạo ra lượng sản phẩm cháy lớn, nhiệt độ rất cao và áp lực lớn phá hủy hoại các công trình, gây tai nạn cho người trong phạm vi vùng nổ.

Các chất có thể gây nổ hóa học bao gồm các khí cháy và bụi khi chúng hỗn hợp với không khí đạt đến một tỷ lệ nhất định kèm theo có mồi lửa thì sẽ gây nổ. Mỗi loại khí cháy nổ có thể nổ được khi hỗn hợp với không khí đạt được một tỷ lệ nhất định. Khoảng giới hạn nổ của khí cháy với không khí càng rộng thì sự nguy hiểm về giới hạn nổ hóa học càng tăng.

Nổ vật liệu nổ (nổ chất nổ): Sinh công rất lớn, đồng thời gây ra sóng xung kích trong không khí và gây chấn động trên bề mặt đất trong phạm vi bán kính nhất định.

Nổ của kim loại nóng chảy: Khi rót kim loại lỏng vào khuôn bị ướt, khi thải xỉ....

2.3. Các yếu tố có hại đối với sức khỏe trong lao động

Là những yếu tố của điều kiện lao động không thuận lợi, vượt quá giới hạn của tiêu chuẩn vệ sinh lao động cho phép, làm giảm sức khỏe người lao động, gây bệnh nghề nghiệp. Đó là vi khí hậu, tiếng ồn, rung động, phóng xạ, ánh sáng, bụi, các chất, hơi, khí độc, các sinh vật có hại.

II. CÁC NỘI DUNG CỦA ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG

1. Điều kiện lao động ở mức độ nặng nhọc loại 1

Điều kiện lao động ở mức độ nặng nhọc loại 1 khi nó được thực hiện trong điều kiện lao động nhẹ nhàng, thoải mái, những công việc loại này thường có tác dụng tập luyện, nâng cao khả năng làm việc và góp phần nâng cao sức khỏe người lao động.

2. Điều kiện lao động ở mức độ nặng nhọc loại 2

Điều kiện lao động ở mức độ nặng nhọc loại 2 là điều kiện làm việc phù hợp với điều kiện vệ sinh an toàn lao động và những tiêu chuẩn sinh lý ở mức độ cho phép của điều kiện cơ thể của người lao động.

3. Điều kiện lao động ở mức độ nặng nhọc loại 3

Điều kiện lao động ở mức nặng nhọc loại 3 khi nó được thực hiện trong điều kiện lao động tương đối không thuận lợi hoặc có một số yếu tố tiêu chuẩn vượt cho phép ở mức độ không đáng kể, khả năng làm việc của người lao động chưa ảnh hưởng nhiều các biến đổi tâm sinh lý trong quá trình lao động, được phục hồi nhanh, sức khỏe lâu dài của người lao động cũng như trước mắt không bị ảnh hưởng đáng kể.

4. Điều kiện lao động ở mức độ nặng nhọc loại 4

Điều kiện lao động ở mức nặng nhọc loại 4 là công việc mà dưới tác động của các yếu tố điều kiện lao động không thuận lợi (độc hại và nguy hiểm) có thể

dẫn đến phản ứng đặc trưng của trạng thái tiền bệnh lý và tới hạn ở những người thực sự khỏe mạnh, khả năng làm việc của người lao động bị ảnh hưởng xấu ở mức độ nhất định và sức khỏe giảm sút những công việc này không thích hợp với những người sức khỏe yếu hoặc mắc bệnh.

5. Điều kiện lao động ở mức độ nặng nhọc loại 5

Điều kiện lao động ở mức nặng nhọc loại 5 đó là những trường hợp khi người lao động làm việc trong điều kiện rất không thuận lợi xuất hiện các yếu tố vệ sinh môi trường vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần, cường độ lao động lớn, hoạt động tinh thần tâm lý căng thẳng… Phản ứng đặc trưng của cơ thể ít nhiều chuyển sang trạng thái bệnh lý, sau lao động cần có thời gian dài để phục hồi các chức năng bị rối loạn do lao động sinh ra, ở những công việc loại này tỷ lệ người mắc bệnh nghề nghiệp cao.

6. Điều kiện lao động ở mức độ nặng nhọc loại 6

Điều kiện lao động ở mức nặng nhọc loại 6 khi lao động được tiến hành trong những điều kiện rất nặng nhọc, độc hại. Các yếu tố vệ sinh môi trường vượt tiêu chuẩn cho phép quá cao ở xấp xỉ ngưỡng chịu đựng tối đa cho phép của cơ thể; thời gian làm việc quá dài. Ở những công việc loại này sẽ làm phản ứng đặc trưng của trạng thái chức năng cơ thể chuyển sang trạng thái bệnh lý và mất đi khả năng bảo vệ.

Qua các nhóm điều kiện lao động ta thấy các nhân tố trên đều có tác động, ảnh hưởng đến sức khỏe, khả năng làm việc của con người trong quá trình lao động. Mỗi một nhân tố khác nhau có mức độ tác động ảnh hưởng khác nhau. Trong bản thân từng nhân tố cũng có nhiều mức độ ảnh hưởng đồng thời sự kết hợp giữa các nhân tố cũng dẫn đến những tác động khác nhau, đến sức khỏe, khả năng làm việc và hoạt động sống của con người. Tác động của các nhân tố điều kiện lao động làm hai loại:

Cải thiện các điều kiện lao động có một ý nghĩa rất quan trong tổ chức lao động khoa học. Điều kiện lao đông thuận lợi sẽ tạo tiền đề cho việc thực hiện có hiệu quả quá trình lao động. Cải thiện các điều kiện lao động còn nâng cao sự hứng thú trong lao động, tạo điều kiện cho giáo dục tinh thần lao động. Cải thiện các điều kiện lao động là một nhân tố nâng cao năng suất lao động và bảo vệ sức khỏe cho người lao động.

Chương II
THỰC TRẠNG VỀ ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CƠ KHÍ TAM MAO

I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Tên đầy đủ: Công ty TNHH CƠ KHÍ TAM MAO
Tên viết tắt: TAM MAO CO., Ltd
Loại hình Doanh Nghiệp: Công ty TNHH
Địa chỉ: **96C Tô Ngọc Vân, Khu Phố 7, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh**
Giám đốc/Đại diện pháp luật: **Nguyễn Thanh Đoài**
Giấy phép kinh doanh: **0309849046** Ngày cấp: **17/10/2011**
Mã số thuế: **0309849046**
Ngày hoạt động: **12/03/2010**
Ngành nghề KD: - Gia công các mặt hàng cơ khí.
- Sản xuất phụ kiện nghành gỗ, xây dựng.
- Báo cáo,quyết toán hoàn thuế.

Số vốn kinh doanh: 5,000,000,000 đồng
Số nhân viên: Dưới 20 lao động
Sơ đồ tổ chức công ty:

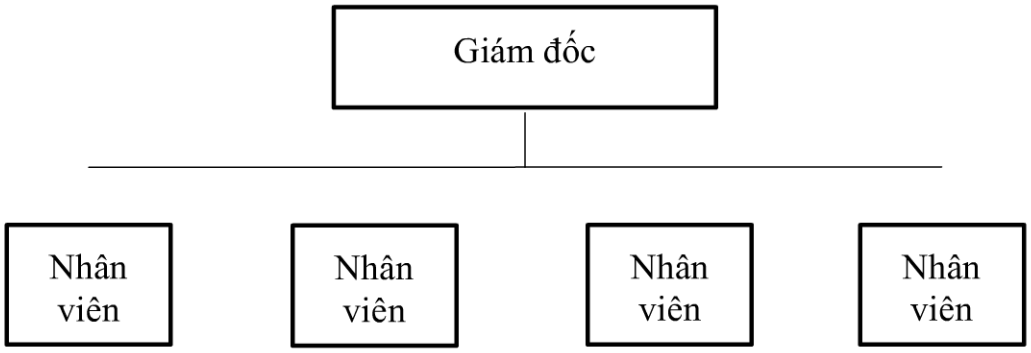

II. THỰC TRẠNG VỀ ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG TẠI CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ TAM MAO

1. Điều kiện về chế độ làm việc, nghỉ ngơi

Hiện nay thực trạng chung chế độ làm việc tại các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ còn nhiều bất cập. Đối với Công ty cơ khí Tam Mao vẫn áp dụng ngày làm 8 tiếng/ngày như bộ luật lao động, tính một ngày công theo thảo thuận ban

đầu trước khi vào làm việc của người lao. Những ngày lễ, tết cũng được nghỉ theo quy định.

Tuy nhiên là một công ty nhỏ và rất nhỏ ngành nghề bên lĩnh vực cơ khí tùy thuộc vào đơn đặt hàng nên việc áp dụng chế độ làm việc còn rất nhiều bất hợp lý, thời gian làm việc nhiều thời điểm có thể kéo dài từ 9 đến 10 tiếng/ ngày.Thời gian tăng ca cũng không có kế hoạch mà chủ yếu là dựa vào tiến độ sản xuất, khi có hàng gấp thì tăng ca có thể lên đến 22 giờ đêm.

Các ngày nghỉ lễ tết theo quy định của luật lao động chưa được đảm bảo, do tính chất thuê người lao động chủ yếu là thời vụ không có gắn bó lâu dài cho nên chế độ nghỉ nghơi còn mang tùy vào tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ thực trạng chế độ làm việc, nghỉ ngơi như hiện nay tại Công ty nói riêng và các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ nói chung, cũng như đảm bảo tái sản xuất sức lao động cho Người lao động làm việc có hiệu quả các nhà quản lý cần có chính sách kế hoạch sản xuất hợp lý, thực hiện chế độ làm việc, nghỉ ngơi đúng như quy định của bộ luật lao động đã được ban hành.

2. Tổ chức lao động và phân công lao động

Hiện nay việc tổ chức lao động tại Công ty chưa khoa học và phân công lao động chưa hợp lý, nên ảnh hưởng đến chất lượng cũng như năng suất lao động. Hầu hết Người lao động làm việc chủ yếu là do kinh nghiệm không có chứng chỉ nghề hay quen biết vào làm do vậy việc tổ chức lao động không có kế hoạch ai làm được công đoạn nào thì vẫn bố trí vào làm không cần có tay nghề.

Việc bố trí lao động còn phụ thuộc vào tính chất công việc, hay nhiệm vụ sản xuất. Thợ hàn cũng có thể đứng máy tiện và ngược lại.

3. Điều kiện nhà xưởng môi trường làm việc

Phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ hoạt động theo quy mô tại gia đình, nên không gian thường chật hẹp, bố trí nơi làm việc, bố trí máy móc thiết bị không phù hợp, tạo cho người lao động khó khăn trong quá trình thao tác, di chuyển trong khi thực hiện công việc. Việc bố trí khuôn viên, cây cảnh trong, hoặc trang trí cảnh quan tại nơi làm việc gần như không có. Điều kiện nhiệt độ tại nơi làm việc nóng bức, do chưa đảm bảo về không gian, thiếu các hệ thống làm mát, như quạt gió, quạt hút hơi nóng từ bên trong xưởng ra ngoài, điều kiện tiếng ồn lớn, nhiều bụi bặm trong môi trường làm việc…Vì mục tiêu lợi nhuận nên người sử dụng lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ không quan tâm đến tính thẩm mỹ và môi trường lao động trong quá trình lao động sản xuất.

Điều kiện nhà xưởng máy móc cũng ảnh hưởng rất lớn đến điều kiện lao động và việc tổ chức phân công lao động, hiện nay Công ty có một nhà xưởng rộng hơn 200m2 với một hệ thống máy móc hiện đại, vừa đã qua sử dụng và mua mới hoàn toàn cùng các thiết bị máy móc hỗ trợ như: máy cắt, máy hàn, máy mài, máy khoan… đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất. Đây cũng là điều kiện tốt để Người lao động làm việc phát huy hết năng lực sở trường của mình năng cũng như mong muốn có sự hỗ trợ cần thiết trong khi sản xuất những công đoạn phức tạp.

Mặc dù Công ty có sự đầu tư về cơ sở vật chất tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng theo như quy định an toàn lao động. Việc nhà xưởng không đáp ứng được việc bố trí máy móc do không gian chật hẹp, hay sắp xếp không khoa học là điều không tránh khỏi nên Người lao động rất khó khăn trong khi sản xuất nên có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động là rất cao đặc biệt là trong lĩnh vực mà Công ty đang kinh doanh.

Hệ thống đường điện do tự Công ty thiết kế và lắp đặt không có kiểm định, cách bố trí còn chồng chéo hay như: máy hàn, máy cắt, máy mài…đôi khi cả máy tiện, máy dập khung cũng có thể dùng chung một đường điện, mặc dù công ty bố trí các bình chứa cháy sẵn ở những nơi dễ cháy nhất nhưng vẫn chưa đảm bảo cho nên việc cháy nổ chậm điện có thể xảy ra lúc nào không biết.

Hệ thống nhà xưởng Công ty chưa đáp ứng được, cách bố trí việc đi lại trong khi sản xuất vẫn chưa đúng như quy định. Mà chỉ mang tính chủ quan của nhà quản lý, việc thiết kế nhà xưởng xây dựng một kết cấu nhà xưởng mỏng, nhẹ, tiết kiệm, không gian tới mức tối đa. Cho nên nhiệt độ làm việc trong xưởng không đảm bảo, ngoài nhiệt độ do người, do công nghệ toả ra còn có một lượng bức xạ mặt trời tương đối lớn truyền vào nhà, nhà xưởng lại không có hoặc có thông gió chống nóng nhưng không hợp lý hoặc chưa được quan tâm đầy đủ. Vì vậy nhiệt độ không khí trong nhà xưởng thường cao hơn nhiệt độ bên ngoài., việc này ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe cho Người lao động đang làm việc.

Trong sản xuất, chiếu sáng ảnh hưởng nhiều tới năng suất lao động và an toàn lao động. Chiếu sáng hợp lý có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo điều kiện lao động thuận lợi, chiếu sáng không đạt yêu cầu gây khó khăn trong khi tiến hành công việc, dẫn tới giảm năng suất lao động và có thể là nguyên nhân các tai nạn và các bệnh về mắt. Mặc dù Công ty Tam Mao đã bố trí hệ thống chiếu sáng đầy đủ tuy nhiên việc bố trí bóng đèn sai quy cách, thiếu độ sáng. Điều này khiến cho công nhân hoa mắt, chóng mặt… không thể làm việc có hiệu quả. Việc mắc rất nhiều đèn trên trần nhưng chỉ tập trung rọi lối đi là chính, trong khi nơi bàn làm việc của công nhân cần tập trung ánh sáng lại là nơi thiếu ánh sáng nhất. Công nhân đứng máy đều có hiện tượng nhức mắt, chóng mặt thường xuyên dẫn tới công nhân hoa mắt tiện sai, hàn sai,…

Hệ thống hút bụi, hút khí và xử lý khí bụi chưa có, trong xưởng chỉ bố trí bốn năm chiếc quạt công nghiệp, hệ thống giảm tiếng ồn giảm rung cũng không có, do vậy ảnh hưởng rất lớn đến Người lao động. Bụi gây nhiều tác hại cho con người và trước hết là bệnh đường hô hấp, bệnh ngoài da, bệnh trên đường tiêu hoá...và tiếng ồn và rung động cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến sức khoẻ của người lao động.

Công nhân không những tiếp xúc phần lớn điều kiện làm việc tại nơi làm việc mà họ còn phải chịu tác động của môi trường bên ngoài có nhiều bụi trên đường đi, đặc biệt là ở những thành phố hoặc những nơi có tốc độ đô thị hoá diễn ra mạnh mẽ, việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, làm cầu cống, đường sá, vận chuyển vật liệu cho các công trình...là nguồn phát sinh ra bụi rất lớn. Điều

này không chỉ riêng Công ty Tam Mao chịu ảnh hưởng mà hầu hết các doanh nhiệp nhỏ và rất nhỏ ở các thành phố trung tâm kinh tế lớn ở nước ta.

4. Điều kiện an toàn lao động

Công ty cũng trang bị cho Người lao động các bảo hộ lao động cần thiết như: Găng tay, khẩu trang, nón bảo hiểm, giày, kiếng…Tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được với độ an toàn cao nhất. Do thiếu quan tâm, hay ít nhắc nhở nên nhiều lao động khi làm việc vẫn không sử dụng bảo hộ lao động.

Hầu hết các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ mà không chỉ Công ty Tam Mao nói riêng là chưa thực sự quan tâm đến vấn đề an toàn lao động, người lao động không được tập huấn an toàn lao động theo định kỳ của luật pháp quy định. Không trang bị bảo hộ lao động, hoặc có trang bị nhưng không đầy đủ. Trong những năm gần đây chúng ta thấy rằng có rất nhiều vụ tai nạn lao động xảy ra rất đáng tiếc, gây thiệt hại về người và tài sản rất lớn, mà lỗi là do người sử dụng lao động không quan tâm đến vấn đề an toàn lao động.

5. Điều kiện tâm sinh lý lao động

Ngày nay nhận thức của người lao động có sự thay đổi. Trước kia người ta coi trọng thu nhập cao, kiếm ra nhiều tiền hơn là tính chất công việc và môi trường làm việc, nhưng quan điểm này dần dần nhường chổ cho việc người lao động quan tâm hơn đến tính chất công việc, môi trường làm việc có ảnh hưởng đến sức khỏe hay không, có sự thoải mái trong môi trường làm việc trong quá trình lao động hay không.

Tuy nhiên thực tế hiện nay tại Công ty Tam Mao và các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ thì người sử dụng lao động chưa thực sự quan tâm đến vấn đề tâm sinh lý nhu cầu ngày càng cao trong quá trình lao động. Nhưng nhu cầu về tác phong tư thế, phương pháp làm việc trong doanh nghiệp chưa khoa học mà chủ yếu là mang tính tự do, tạo cho người lao động luôn cảm thấy mệt mỏi, căng thẳng không thoải mái.

6. Điều kiện tâm lý xã hội

Công ty đang thiếu các quy trình, quy định, nội quy lao động, hoặc là có nhưng còn rất sơ sài.Thường vi phạm về chế độ làm việc và nghỉ ngơi đối với người lao động như: làm tăng ca quá quy định của luật lao động, không được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của lật lao động. Không có quy định về khen thưởng và kỷ luật rỏ rằng dẫn đến tình trạng người lao động làm việc tốt cũng không được khen thưởng, khích lệ hoặc là khen thưởng không đúng đối tượng, tùy theo cách cảm nhận của quản lý, từ đó làm cho tập thể lao động có mâu thuẫn lẫn nhau, tạo bầu không khí nặng nề trong tổ chức.

Như vậy, nhìn chung môi trường làm việc tại Công ty Tam Mao vẫn còn những bất cập nhất định và có ảnh hưởng đến sức khoẻ của người lao động cũng như năng suất lao động của họ.

Điều kiện làm việc của người lao động được đánh giá qua độ bụi, độ ồn, khí độc… của môi trường xung quanh hoạt động sản xuất của họ. Việc cảm nhận của người công nhân về mức độ các ô nhiễm môi trường không chỉ là một trong những căn cứ để có thể xem xét sự an toàn trong lao động như thế nào mà

còn khắc hoạ rất rõ nét "bức tranh" về môi trường, nhà xưởng làm việc của doanh nghiệp một cách chân thực, công khai..

Thực trạng trên về môi trường làm việc của lao động tại Công ty TNHH cơ khí Tam Mao và trong các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ khác là đáng quan tâm. Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, nếu chúng ta không khắc phục tình trạng này thì khó có thể phát triển kinh tế bền vững. Nhưng chỉ có thể giải quyết được vấn đề cần xác định rõ nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên.

III. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân từ quản lý Nhà nước

Hiện nay hệ thống pháp luật về các quy định về điều kiện An Toàn Vệ Sinh Lao Động (ATVSLĐ) được quy định trong các văn bản pháp luật của Nhà nước là khá đầy đủ. Nhưng việc thi hành có nhiều bất cập.

Đó là sự nhận thức tầm quan trọng của vấn đề điều kiện vệ sinh lao động chưa được các cấp chính quyền địa phương quan tâm đúng mức. Họ cho rằng vấn đề này nếu thực hiện nghiêm túc sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp. Họ đâu có biết những hậu quả của tình trạng điều kiện vệ sinh lao động không tốt không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động mà còn làm cho môi trường kinh doanh của địa phương xấu đi, sức cạnh tranh của sản phẩm yếu đi.

Tình trạng buông lỏng quản lý những quy định này ở các địa phương cũng là nguyên nhân.

Việc tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy định của các cơ quan chức năng từ sở Lao động và Thương binh xã hội, sở Y tế, Liên đoàn lao động thiếu đồng bộ, không có sự phân công phân cấp rõ ràng.

Đội ngũ cán bộ thanh tra vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chất lượng.

Công tác chỉ đạo, hướng dẫn thông tin, tuyên truyền, huấn luyện về pháp luật ATVSLĐ còn nhiều hạn chế.

Việc xử lý các vi phạm chưa được thực hiện một cách nghiêm minh và kịp thời làm giảm hiệu lực thực thi pháp luật.

2. Nguyên nhân từ bên trong Công ty.

Do đặc điểm Công ty nhỏ và rất nhỏ, nên điều kiện sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn, hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp cho nên kinh phí triển khai thực hiện công tác vệ ATVSLĐ quá ít dẫn đến chất lượng hiệu quả chưa cao... Mặt bằng sản xuất của Công ty chật hẹp, nhà xưởng máy móc thiết bị xuống cấp, lạc hậu, điều kiện lao động không đảm bảo yêu cầu ATVSLĐ, trong khi đó sức ép về vốn đầu tư mặt bằng, cải tạo nơi làm việc, thay thế thiết bị, công nghệ, giá thành sản phẩm... đã tạo ra nhiều khó khăn trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước về điều kiện ATVSLĐ.

Do tỷ lệ đổi mới trang thiết bị trong Công ty rất thấp, thiếu vốn để đầu tư chiều sâu và mở rộng sản xuất. Đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ lao động trong doanh nghiệp này còn hạn chế về trình độ quản lý, kỹ năng nghề nghiệp, thiếu sự hiểu biết khoa học về ATVSLĐ, chủ quan, làm tắt, làm ẩu. Công